

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 93/2021/DS-ST

Ngày: 14/7/2022

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lê Thị Xuân Đào
2. Bà: Võ Thị Kiều Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 356/2022/TLST-DS, ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2022/QĐST-DS ngày 04/7/2022, giữa:

1. Nguyên đơn:

- 1.1 Bà Lê Thị C, sinh năm 1956;
Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh L
- 1.2. Ông Võ Hữu H, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh L

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 4, thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Q. Theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2022.

2. Bị đơn:

- 2.1 Ông Lương Văn G, sinh năm 1965;
- 2.2 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962;

Ông G ủy quyền cho Bà N, theo văn bản ủy quyền ngày 04/7/2022.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh L.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2022 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, Bà Nguyễn Thị Kim C1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông H và bà C là hai mẹ con, do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông G, Bà N nên ông H và bà C có cho ông G và Bà N vay số tiền cụ thể như sau:

Ngày 06/8/2020 vay số tiền 10.000.000 đồng

Ngày 25/8/2020 vay số tiền 10.000.000 đồng

Ngày 20/9/2020 vay số tiền 10.000.000 đồng

Ngày 28/2/2021 vay số tiền 5.000.000 đồng

Ngày 04/4/2022 vay số tiền 50.000.000 đồng

Ngày 07/4/2022 vay số tiền 100.000.000 đồng

Ngày 09/4/2022 vay số tiền 50.000.000 đồng

Ngày 26/4/2022 vay số tiền 30.000.000 đồng

Ngày 28/4/2022 vay số tiền 100.000.000 đồng

Mỗi lần vay đều lập thành văn bản là các “giấy cho mượn tiền”. Đến ngày 28/4/2022, hai bên tổng kết nợ thì bà C ông H nợ số tiền 365.000.000 đồng, hạn 01 tháng sau tức là vào 28/5/2022 sẽ trả đủ số tiền trên nhưng đến nay ông G, Bà N vẫn chưa trả số tiền trên. Việc cho vay không có thỏa thuận trả tiền lãi suất. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà C và ông H khởi kiện yêu cầu ông G Bà N liên đới trả cho bà C và ông H số tiền 365.000.000 đồng. Đề nghị thanh toán một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông G là quan hệ vợ chồng, bà thừa nhận trong các ngày từ 06/8/2020; 25/8/2020; 20/9/2020; 28/02/2021; 04/4/2022; 07/4/2022; 09/4/2022; 26/4/2022 và 28/4/2022, vợ chồng có vay bà C và ông H với tổng số tiền 365.000.000 đồng, việc vay mượn này có thỏa thuận lãi suất với mức lãi suất 10% trên số tiền của mỗi lần vay. Hàng tháng vợ chồng bà đều có trả tiền lãi, chỉ ngừng trả lãi 02 tháng trước thời điểm bà C và ông H nộp đơn khởi kiện, khi trả lãi không có lập văn bản. Nay bà C và ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà liên đới trả cho bà C và ông H số tiền 365.000.000 đồng theo các “giấy cho mượn tiền” nêu trên thì vợ chồng bà đồng ý nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, tuổi

cao nên xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết số nợ.

Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất ý kiến.

Ngày 15/6/2022, bà Lê Thị C có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Cấm chuyển dịch quyền về tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 485 tờ bản đồ số 41, đất tọa lạc tại xã Tân Mỹ, Đức Hòa, Long An; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lương Văn G đang đứng tên.

Ngày 04/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 18/2022/QĐ-BPKCTT về việc: Cấm chuyển dịch quyền về tài sản, cấm thực hiện hành vi nhất định đối với quyền sử dụng đất tại thửa số 485 tờ bản đồ số 41, đất tọa lạc tại ấp Lập Điền, xã Tân Mỹ, Đức Hòa, Long An, quyền sử dụng đất do ông Lương Văn G đứng tên.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận việc vay mượn có thỏa thuận lãi suất, không thừa nhận có nhận tiền trả lãi như lời trình bày của ông G, Bà N, không đồng ý với phương án trả nợ của bị đơn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông G và Bà N phải liên đới trả số tiền vay tổng cộng là 365.000.000 đồng theo chứng cứ là các “giấy cho mượn tiền” mà nguyên đơn cung cấp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn cũng thừa nhận và đồng ý trả số nợ nêu trên nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán một lần số nợ 365.000.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn không có yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng,*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị C, ông Võ Hữu H tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Lương Văn G, Bà Nguyễn Thị N. Quan hệ pháp luật tranh

chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Ông G, Bà N hiện đang cư trú tại Ấp L, xã T, huyện Đ, tỉnh L theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, thời hiệu khởi kiện còn trong hạn luật định.

[1.2]. Về pháp luật áp dụng: Bộ luật dân sự 2015

[2] *Về nội dung:*

Qua tài liệu, chứng cứ đương sự giao nộp, lời trình bày của đương sự.

Thấy rằng, giữa bà C, ông H và vợ chồng ông G, Bà N là chỗ quen biết nhau và có phát sinh giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản, thể hiện qua các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là các giấy viết tay có nội dung: vay, mượn tiền, tính đến ngày 28/4/2022 tổng số tiền mà bị đơn còn nợ là 365.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn cũng thừa nhận số nợ trên. Đây là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo giấy nhận nợ hai bên có thỏa thuận hẹn 01 tháng sau kể từ ngày viết giấy nhận nợ (ngày 28/4/2022) thì bên vay sẽ hoàn trả lại số nợ gốc nhưng đến nay ông G và Bà N không thanh toán nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông G, Bà N xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý.

Tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị N cho rằng việc vay mượn tiền giữa hai bên là có thỏa thuận lãi suất với mức lãi suất 10%/tháng trên số tiền của mỗi lần vay. Hàng tháng vợ chồng bà đều có trả tiền lãi, chỉ ngừng trả lãi 02 tháng trước thời điểm bà C và ông H nộp đơn khởi kiện nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận, bị đơn không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông G và Bà N phải liên đới thanh toán số nợ gốc 365.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.] Về ý kiến của Kiểm sát viên: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1

Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, ông Võ Hữu H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Lương Văn G và Bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Lương Văn G, Bà Nguyễn Thị N phải liên đới thanh toán cho bà Lê Thị C, ông Võ Hữu H số nợ gốc 365.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 18/2022/QĐ-BPKCTT ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa sẽ được xem xét, hủy bỏ khi các đương sự có yêu cầu. Thủ tục giải quyết được quy định tại Điều 133, Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

Buộc ông Lương Văn G và Bà Nguyễn Thị N phải liên đới nộp 18.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho ông Võ Hữu H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.562.500 đồng theo biên lai thu số 6781 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Bà Lê Thị C thuộc đối tượng người cao tuổi, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức